TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH V

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án:43/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 9 năm 2021
V/v "Ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Minh Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Bà Trần Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Quốc Khánh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyên L, tỉnh V tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toàn, kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lan Gi, sinh năm 1995, có mặt

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh V;

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh V (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan Gi trình bày: chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Tr ngày 10/6/2013. Trước khi kết hôn, hai bên có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L. Kết hôn xong, chị về gia đình anh Tr làm dâu và sống chung cùng gia đình nhà chồng 02 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Tr chơi bời, nghiện ma túy, lười lao động, nợ nần nhiều, anh Tr bán cả đồ đạc, tài sản của

gia đình để lấy tiền tiêu xài. Anh Tr không quan tâm gì đến vợ con, thường xuyên vắng nhà. Chị đã khuyên bảo anh Tr nhiều lần nhưng anh Tr vẫn không thay đổi, vẫn đi vào con đường nghiện ma túy. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 02/01/2014 và cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 20/8/2016. Hiện nay các cháu đang ở cùng với chị, chị chỉ nhờ mẹ anh Tr trông nom đỡ. Ly hôn, chị xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn Tr là bị đơn, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh Tr đều cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại UBND xã B và gia đình anh Tr cho biết: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Gi và anh Tr xuất phát từ việc anh Tr nghiện ma túy, lười lao động nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân một thời gian dài. Hiện nay anh Tr đi làm ăn xa, các lần Toà án báo gọi anh Tr, mẹ đẻ anh Tr có biết việc này, nhưng không nhận bất kỳ giấy tờ gì. Tòa án nhân dân huyện L đã niêm yết các giấy tờ theo quy định của pháp luật, nhưng anh Tr vẫn không đến Tòa làm việc. Nay chị Gi xin ly hôn, gia đình không có ý kiến gì, đây là việc riêng của vợ chồng anh Tr. Về con chung: bà N là mẹ đẻ anh Tr xác nhận vợ chồng anh chị có 02 con chung, các cháu ở cùng chị Gi, hiện nay bà trông nom đỡ để chị Gi đi làm công ty, còn anh Tr đi vắng. Nếu anh chị ly hôn, bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Gi, cho chị Gi được ly hôn anh Tr. Giao cho chị Giang được nuôi dưỡng 02 con chung. Về án phí: Chị Gi phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan Gi có yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn Tr hiện đang cư trú tại thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh V. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Gi đều có mặt, anh Tr đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Gi và anh Tr là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh V. Theo chị Gi, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Tr thường xuyên chơi bời, nghiện ma túy, lười lao động, anh Tr thường xuyên vắng nhà không quan tâm gì đến gia đình, mang cả tài sản của gia đình đi bán lấy tiền tiêu xài. Xét đề nghị của chị Gi, Hội đồng xét xử thấy rằng: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Gi và anh Tr đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và đã ly thân một thời gian nhưng vẫn không hàn gắn được. Anh Tr cố tình vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết việc chị Gi có đơn xin ly hôn anh, như vậy phần nào thể hiện anh Tr không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị Gi là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]Về con chung: chị Gi xác định vợ chồng 02 con chung: Cháu Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 02/01/2014 và cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 20/8/2016. Hiện cả hai cháu đang ở cùng chị. Chị xin được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng của chị Gi Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện 02 cháu Th và T còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của mẹ, hiện tại anh Tr thường xuyên vắng nhà, không quan tâm chăm sóc con chung nên cần giao 02 cháu Th và T cho chị Gi trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Gi không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: chị Gi không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Văn Tr vắng mặt nên không có lời khai và đề nghị của anh. Khi nào anh có yêu cầu về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Gi phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lan Gi. Cho chị Nguyễn Thị Lan Gi được ly hôn anh Nguyễn Văn Tr.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Lan Gi trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng 02 cháu Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 02/01/2014 và cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 20/8/2016 (hiện các cháu đang ở cùng chị Gi). Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Gi. Sau khi ly hôn, anh Tr có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Lan Gi phải chịu 300.000đ nhưng được trừ số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2020/0001761 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị Gi đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU

Ngô Thị Minh Hiệp

Nơi nhận:
- VKSND huyện L;
- THA huyện L;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.